

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách cấp tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn năm 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 03/TTr-STC ngày 03 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan hướng dẫn thực hiện việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức lập, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho cơ sở theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 02 năm 2017 và thực hiện từ năm ngân sách 2017 đến năm 2020. *W*

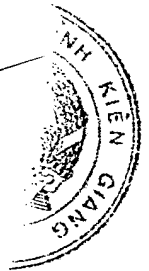
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STC (03), nknguyen (02b). *228*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh;
ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017-2020
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH TỈNH

Điều 1. Nguồn thu ngân sách tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%:

1.1. Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);

1.2. Lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

1.3. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

1.4. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số lô tô tự chọn;

1.5. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

1.6. Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;

1.7. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý;

1.8. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

1.9. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;



1.10. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

1.11. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép địa phương cấp;

1.12. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.13. Thu từ tài sản xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý;

1.14. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của tỉnh;

1.15. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;

1.16. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;

1.17. Thuế bảo vệ môi trường (ngân sách địa phương được hưởng);

1.18. Thuế thu nhập cá nhân;

1.19. Thuế tiêu thụ đặc biệt;

1.20. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

1.21. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (kể cả Trung ương và địa phương), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài;

1.22. Thu kết dư ngân sách tỉnh;

1.23. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;

1.24. Tiền sử dụng đất đối với các dự án, khu công nghiệp do tỉnh quản lý;

1.25. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa 03 cấp ngân sách địa phương

2.1. Tiền sử dụng đất, trừ tiền sử dụng đất quy định tại các Điểm 1.7, 1.24 Khoản 1, Điều 1 và tiền sử dụng đất thực hiện ghi thu - ghi chi ở cấp huyện;

2.2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu do Cục Thuế tỉnh quản lý thu);

2.3. Lệ phí trước bạ (kể cả trước bạ nhà, đất).

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

Điều 2. Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản các chương trình, dự án do tỉnh quản lý.

1.2. Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a) Chi sự nghiệp giáo dục, gồm chi hoạt động giáo dục các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trường trẻ em khuyết tật và các hoạt động khác về giáo dục do cấp tỉnh quản lý.

b) Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, gồm chi hoạt động đào tạo trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do tỉnh quản lý.

2.3. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

2.4. Chi sự nghiệp y tế bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;

2.5. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin; bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do tỉnh quản lý;

2.6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình và các hoạt động thông tin khác do tỉnh quản lý;

2.7. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao; bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do tỉnh quản lý;

2.8. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường;

2.9. Chi sự nghiệp kinh tế:

a) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường.

b) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, trạm kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do tỉnh quản lý.

c) Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác.

d) Chi cho công tác quy hoạch; thương mại, du lịch do cấp tỉnh quản lý.

đ) Chi sự nghiệp kinh tế khác.

2.10. Chi đảm bảo xã hội;

2.11. Hoạt động của các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

2.12. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

2.13. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, cấp xã.

Chương II

NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện)

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

1.1. Lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Chi cục Thuế quản lý thu;

1.2. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý;

1.3. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện;

1.4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;

1.5. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện thu;

1.6. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.7. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý;

1.8. Tiền đền bù thiệt hại đất;

1.9. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

1.10. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp huyện;

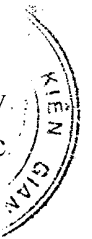
1.11. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện;

1.12. Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

1.13. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa 3 cấp ngân sách địa phương (Quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Quy định này).

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;



4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang;

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý.

1.2. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Chi quốc phòng gồm: Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân; công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; đăng ký quân nhân dự bị; tổ chức huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ; hội nghị và tập huấn nghiệp vụ dân quân tự vệ; diễn tập quân sự và các hoạt động khác.

b) Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội gồm: Tuyên truyền giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; hỗ trợ sơ kết tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; hỗ trợ hoạt động an ninh, trật tự ở cơ sở.

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a) Nhà trẻ, mẫu giáo trên địa bàn.

b) Giáo dục phổ thông trung học cơ sở, giáo dục tiểu học, bổ túc văn hoá, các loại hình giáo dục khác như phổ cập giáo dục, xoá mù chữ... thuộc cấp huyện quản lý.

c) Chi sự nghiệp đào tạo của trung tâm bồi dưỡng chính trị, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện quản lý.

2.3. Chi sự nghiệp y tế gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh, dân số kế hoạch hóa gia đình; khám tuyển nghĩa vụ quân sự, y tế xã và các hoạt động y tế khác của các đơn vị cấp huyện;

2.4. Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin; thể dục-thể thao;

2.5. Chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình;

2.6. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường;

2.7. Chi sự nghiệp kinh tế, trong đó:

a) Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do huyện quản lý.



b) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp do cấp huyện quản lý.

c) Chi sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác.

d) Chi cho công tác quy hoạch do cấp huyện quản lý.

đ) Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.8. Chi đảm bảo xã hội: Chi cứu đói, mai táng phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp nuôi dưỡng tại cộng đồng, quà lễ tế thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm hỏi các đối tượng chính sách, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do cấp huyện quản lý;

2.9. Hoạt động của các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

2.10. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

2.11. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Chương III

NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã)

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1.1. Lệ phí môn bài đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

1.4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thu;

1.5. Lệ phí do cấp xã quản lý thực hiện thu;

1.6. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.7. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác;

1.8. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã;

1.9. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã;

1.10. Thu kết dư ngân sách cấp xã;

1.11. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa 3 cấp ngân sách địa phương (Quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy định này).

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo phân cấp của tỉnh từ nguồn ngân sách và nguồn huy động đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của các tổ chức cá nhân cho từng dự án cụ thể.

2. Chi thường xuyên cấp xã

2.1. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Huấn luyện dân quân tự vệ, đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự.

b) Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội; hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2.2. Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin; thể dục-thể thao: Chi các hoạt động văn hóa thông tin, chi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, truyền thanh, tuyên truyền giáo dục pháp luật ở cơ sở, chi cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các hoạt động khác do xã quản lý;

2.3. Chi đảm bảo xã hội: Chi cứu đói, mai táng phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp nuôi dưỡng tại cộng đồng, quà lễ tế thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm

hỏi các đối tượng chính sách, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do cấp xã quản lý.

2.4. Hoạt động của các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh...,

2.5. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

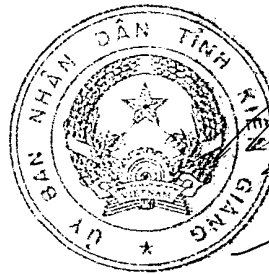
2.6. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

2.7. Chi cho hoạt động ấp, khu phố;

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Các hoạt động tài chính khác ở ngân sách cấp xã. / 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

